

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C T  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2018/DS-ST

Ngày: 30-5-2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán  
tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C T, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Chinh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Lê Văn Minh

2/ Bà Phan Thị Quý

*Thư ký phiên tòa:* Ông Ngô Hoàng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C T, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Ông Lữ Văn Thới - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C T, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1967

Địa chỉ: ấp T H, xã T H, huyện C G, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* **Phan Thị T**, sinh năm: 1953

Địa chỉ: ấp T L 2, xã T L Đ, huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T1 và bà T2 có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:* Vào năm 2014 bà Phan Thị T có đến cửa hàng bán thức ăn chăn nuôi của chị T1 để mua thức ăn về chăn nuôi heo. Hình thức mua bán là hai bên lập sổ theo dõi số lượng thức ăn mà bà T2 lấy thiếu, đến khi

bán heo bà T2 sẽ thanh toán tiền thức ăn còn nợ. Hai bên giao dịch mua bán đến tháng 8/2015 thì bà T2 ngưng không lấy thức ăn chăn nuôi tại cửa hàng của chị T1 nữa. Khi kết sổ thì bà T2 còn nợ lại chị T1 số tiền là 101.263.000đồng. Ngày 07/9/2015 bà T2 có trả được 17.000.000đồng, ngày 07/4/2016 trả được 18.000.000đồng và đến ngày 03/12/2016 trả được 10.000.000đồng. Tổng cộng bà T2 trả cho chị T1 số tiền là 45.000.000đồng, còn nợ lại 56.263.000đồng. Trong số tiền 56.263.000đồng mà bà T2 còn nợ thì chị T1 và bà T2 thống nhất căn trừ vào số tiền 170.000đồng tiền thuê xe chở giao thức ăn cho bà T2, do đó số tiền bà T2 còn nợ lại chị T1 là 56.093.000đồng và bà T2 hẹn khi nào bán bò sẽ thanh toán nợ, tuy nhiên bà T2 vẫn không thực hiện kéo dài thời gian trả nợ cho đến nay. Nay chị T1 yêu cầu bà T2 trả cho chị T1 số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ là 56.093.000đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

*Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Phan Thị T trình bày:* Bà T2 thống nhất theo lời trình bày của nguyên đơn là vào năm 2014 bà T2 có mua thức ăn chăn nuôi heo tại cửa hàng của chị T1 và còn nợ lại số tiền là 56.093.000đồng. Nay bà T2 đồng ý trả số tiền trên cho chị T1 nhưng xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000đồng cho đến khi hết nợ

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Phan Thị T trả số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ là 56.093.000đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn bà Phan Thị T đồng ý trả cho chị T1 số tiền 56.093.000đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000đồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp:** Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ, Hội đồng xét xử xác định tranh chấp là hợp đồng mua bán tài sản.

**[2] – Về nội dung yêu cầu:** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bà Phan Thị T trình bày thống nhất là vào năm 2014 bà T2 có đến cửa hàng bán thức ăn chăn nuôi của chị T1 để mua thức ăn về chăn nuôi heo. Hình thức mua bán là bà T2 lấy nợ tiền thức ăn, sau khi bán heo sẽ thanh toán lại tiền thức ăn còn nợ, hai bên có lập sổ theo dõi và giao dịch mua bán đến tháng 8/2015 thì ngưng. Sau khi kết nợ hai bên thống nhất bà T2 còn nợ lại chị T1 số tiền là 56.093.000đồng. Xét lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết nêu trên là sự thật. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bà Phan Thị T còn nợ lại chị T1 số tiền là 56.093.000đồng. Chị T1 đã nhiều lần yêu cầu bà T2 trả nợ nhưng bà T2 cứ hứa hẹn kéo dài thời gian trả nợ là gây thiệt thòi quyền lợi cho nguyên đơn. Do vậy yêu cầu khởi kiện của chị T1 là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu xin trả dần của bà T2, Hội đồng xét xử xét thấy nguyên nhân dẫn đến tranh chấp là hoàn toàn do lỗi của bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền khi đến hạn theo đúng thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ của bên mua, đồng thời yêu cầu xin trả dần của bị đơn không được nguyên đơn đồng ý, do đó yêu cầu của bị đơn không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

**[3]** Về lãi suất do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ khi vi phạm thỏa thuận đến ngày xét xử, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

**[4]** Về án phí sơ thẩm: Bị đơn bà Phan Thị T có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Cụ thể:  $56.093.000 \times 5\% = 2.804.650$ đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1/ Buộc bà Phan Thị T có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền là 56.093.000đồng (Năm mươi sáu triệu không trăm chín mươi ba nghìn đồng), thực hiện một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị T1 có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà T2 chậm trả tiền còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị T phải chịu 2.804.650đồng.

Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền là 1.406.575đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008147 ngày 18/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện C T;
- Chi cục THADS huyện C T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Chinh**